

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH
KHOA KINH TẾ**



**SỔ TAY HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KINH TẾ ĐẦU TƯ
Khoa: Kinh tế**

Thái Nguyên, tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN 1. SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD.....	1
1. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển Trường ĐH Kinh tế và QTKD	1
2. Cơ cấu tổ chức.....	2
3. Sơ lược về tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi và giá trị văn hóa.....	2
4. Chiến lược phát triển Nhà trường.....	3
PHẦN 2. SƠ LƯỢC VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
1. Mục tiêu của CTĐT	4
2. Chuẩn đầu ra của CTĐT	4
3. Thông tin về CTĐT.....	6
3.1. Chính sách tuyển sinh.....	6
3.2. Thời gian tốt nghiệp	6
3.3. Số lượng các môn học	6
Tổng hợp số tín chỉ và số lượng các học phần theo các khối kiến thức.....	6
Danh sách các học phần được giảng dạy trong CTĐT	7
3.4. Các phương pháp giảng dạy.....	8
3.5. Các hình thức đánh giá người học được áp dụng	9
3.6. Số lượng sinh viên trong 5 năm gần đây	10
3.7. Số lượng sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ tốt nghiệp trong 5 năm gần đây.....	10
3.8. Vị trí việc làm có thể đảm nhận.....	10
3.9. Quy trình rà soát và xây dựng CTĐT	11
3.10. Các hoạt động khảo sát được khoa và Nhà trường triển khai thực hiện	12
PHỤ LỤC 01: KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ.....	14
1.1. Đặt vấn đề.....	14
1.1.1. Giới thiệu chung.....	14
1.1.2. Mục đích tự đánh giá.....	14
1.1.3. Phạm vi tự đánh giá.....	15
1.1.4. Công cụ đánh giá.....	15
1.1.5. Quy trình và phương pháp tự đánh giá.....	15
1.1.6. Phương pháp mã hóa minh chứng.....	16
1.2. Tổng quan chung.....	17
1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.....	17
1.2.2. Tổng quan về khoa Kinh tế	17
PHỤ LỤC 02: DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	20
PHỤ LỤC 03: KẾT LUẬN.....	23
PHỤ LỤC 04: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	27

PHẦN 1. SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

1.1. Thông tin chung về Nhà trường

Tên Tiếng Việt: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên.

Tên Tiếng Anh: TNU, University of Economics and Business Administration (TUEBA).

Địa chỉ: Phường Tân Thịnh - Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Website: www.tueba.edu.vn;

Email: webmaster@tueba.edu.vn;

Số điện thoại: 0208.3647.685;

Fax: 0208.3647.684

1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh được thành lập theo Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại các đơn vị đào tạo thuộc lĩnh vực Kinh tế, Quản lý và Quản trị kinh doanh trong Đại học Thái Nguyên. Kể từ khi thành lập, Nhà trường luôn hướng đến đào tạo nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực hội nhập quốc tế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Để thực hiện sứ mạng của mình, trong những năm qua Nhà trường đã không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên; đầu tư đồng bộ về CSVC, nhất là trang bị phục vụ cho công tác đào tạo chất lượng cao và NCKH. Hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ cũng là một thế mạnh của Nhà trường. Nhiều đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh đã được triển khai và ứng dụng thành công, có hiệu quả vào thực tiễn cuộc sống, đóng góp tích cực vào sự phát triển KTXH của khu vực miền núi phía Bắc.

Năm 2017, Nhà trường đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Với phương châm hướng đến xây dựng môi trường đào tạo chuẩn quốc tế, nhiều chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật quốc tế đã và đang được Nhà trường triển khai. Đây là cơ hội tốt cho sinh viên có thể trải nghiệm và làm quen với kiến thức và các nền văn hóa khác.

Hiện nay, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh tổ chức đào tạo ở cả ba bậc: đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, với 02 chuyên ngành đào tạo bậc tiến sĩ, 05

chuyên ngành đào tạo bậc thạc sĩ và 12 ngành với 23 CTĐT bậc đại học (19 CTĐT đại trà và 4 CTĐT chất lượng cao). Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các chương trình liên kết đào tạo quốc tế với nhiều đối tác như Trung Quốc, Philippines, Hàn Quốc... Quy mô đào tạo tính đến năm 2021 của Nhà trường gồm có 52 nghiên cứu sinh, 710 học viên cao học và 5.683 sinh viên đại học các hệ.

2. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Trường gồm Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, 08 phòng chức năng, 7 Khoa chuyên môn, 07 Viện, Trung tâm và các Tổ chức Đoàn thể. Tính đến thời điểm hiện tại (đầu năm 2022), tổng số cán bộ viên chức của Nhà trường là 370 người, trong đó có 06 phó giáo sư, 88 tiến sĩ, 213 thạc sĩ, 63 người có trình độ đại học và trình độ khác. Trong 370 CBVC có 272 giảng viên chiếm 73,5%; số người có trình độ PGS.TS chiếm 34,5% tổng số GV.

3. Sơ lược về tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi và giá trị văn hóa

3.1. Tầm nhìn

Tầm nhìn của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh: ***“Trở thành một trường đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý”***.

3.2. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh xác định sứ mạng của Nhà trường là: ***“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng trung du, miền núi phía Bắc và cả nước”***.

3.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh được phát biểu: ***Sáng tạo - Thực tiễn - Hội nhập***

* *Nội dung của triết lý giáo dục*

Sáng tạo: Đào tạo hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học, chủ động tiếp cận và nắm bắt các cơ hội trong đời sống xã hội, trong nghề nghiệp.

Thực tiễn: Đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có tri thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu cần thiết phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại, của thị trường lao động và nhu cầu học tập tự thân của mỗi người.

Hội nhập: Đào tạo giúp người học tích lũy tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, chủ động hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển bền vững.

3.4. Giá trị cốt lõi

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh xác định các giá trị cốt lõi của tổ chức, bao gồm: ***Tận tâm - Chất lượng - Hiệu quả***

* *Nội dung giá trị cốt lõi được thể hiện:*

Tận tâm: Trong trường ĐH Kinh tế & QTKD sự tận tâm được thể hiện dưới nhiều hình thức gồm: thời gian đầu tư cho công việc, chủ động nâng cao năng lực và giúp đỡ không vụ lợi; mỗi người trong Nhà trường đều cố gắng hết sức, làm hết trách nhiệm và khả năng để đạt được kết quả tốt đẹp.

Chất lượng: Chất lượng được trường ĐH Kinh tế & QTKD khẳng định dựa trên các kết quả đạt được về mục tiêu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ của Trường có ý nghĩa thiết thực, lâu dài; thể hiện qua hệ thống các giá trị, chuẩn mực, niềm tin cũng như cách thức làm việc đáp ứng mọi yêu cầu đặt ra đã được định hình trong từng thành viên và ở mỗi tổ chức, đơn vị của Nhà trường.

Hiệu quả: Mỗi cá nhân và đơn vị của Trường ĐH Kinh tế và Quản trị Kinh doanh luôn nỗ lực trong mọi hoạt động để tạo ra giá trị gia tăng, giá trị mới cho tổ chức và người học.

3.5. *Giá trị văn hóa*

Trường ĐH Kinh tế & QTKD và các tổ chức chính trị, đoàn thể đã hành xử và chia sẻ các giá trị văn hóa của tổ chức như sau: ***“Mỗi thành viên đều được tôn trọng, cùng nỗ lực thực hiện mục tiêu chung của tổ chức và phát triển xã hội”***

4. Chiến lược phát triển Nhà trường

Là một trong những trường đại học thuộc Đại học Thái Nguyên - một Đại học vùng của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, Trường đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh cần khẳng định vai trò và nhiệm vụ của mình góp phần vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực, NCKH và chuyển giao công nghệ, thực hiện nhiệm vụ đổi mới giáo dục đại học và sau đại học cho đất nước. Để thực hiện thành công những nhiệm vụ chung của giáo dục đại học Việt Nam, tiếp tục duy trì và phát huy những thành tựu và khắc phục những nhược điểm, khó khăn hiện tại, hướng tới một trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh mang tầm cỡ quốc tế cả về quy mô và chất lượng giáo dục đại học cũng như NCKH, Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu và toàn thể cán bộ giảng viên, sinh viên cùng với sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan đã xây dựng và ban hành ***“Chiến lược Phát triển Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025”***

Chiến lược phát triển là căn cứ để Nhà trường hoạch định các mục tiêu, các chương trình hành động và hệ thống giải pháp chiến lược để đạt được các mục tiêu đã định trong giai đoạn hội nhập sâu rộng, đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.

PHẦN 2. SƠ LƯỢC VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

* Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Kinh tế/ Kinh tế đầu tư Tiếng Anh: Economics/ Investment Economics

* Tên chương trình đào tạo

Tiếng Việt: Kinh tế đầu tư Tiếng Anh: Investment Economics

* Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: Phòng 409, khu nhà hiệu bộ Trường ĐH KT&QTKD,

* Số điện thoại liên hệ: 02803647725

* E-mail: khoakinhte@tueba.edu.vn Website: <http://kinhte.tueba.edu.vn/>

* Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2004

* Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2005

* Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2009

1. Mục tiêu của CTĐT

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế đầu tư có phẩm chất chính trị vững vàng, có sức khỏe và đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức nền tảng về giáo dục chính trị, tư tưởng, luật pháp, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về kinh tế đầu tư; có kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc, có khả năng tự học tập nâng cao trình độ và lập nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- MT1: Có kiến thức khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, lý luận chính trị, kiến thức nền tảng về kinh tế, kinh doanh và quản lý, kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế đầu tư để phát triển khả năng học tập suốt đời và thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn

- MT2: Hình thành và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế đầu tư; hình thành ý tưởng khởi nghiệp và tổ chức thực hiện các dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

- MT3: Có khả năng làm việc độc lập, dẫn dắt nhóm làm việc trong điều kiện môi trường thay đổi; bảo vệ và chịu trách nhiệm về các quyết định cá nhân; thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.

2. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Hoàn thành chương trình đào tạo Kinh tế đầu tư, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2.1. Kiến thức

- KT1: Hiểu các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- KT2: Ứng dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, kiến thức về công nghệ thông tin và mạng internet, kiến thức lý thuyết và thực tế về kinh tế, kinh doanh và quản lý để học tập kiến thức chuyên ngành và giải quyết những vấn đề thực tiễn liên quan trong công việc.

- KT3: Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn nền tảng của lĩnh vực kinh tế đầu tư.

- KT4: Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế đầu tư để đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển ở các phạm vi của nền kinh tế, các ngành kinh tế, địa phương và doanh nghiệp.

- KT5: Vận dụng kiến thức về lý thuyết và thực tiễn chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế đầu tư để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động đầu tư như huy động, sử dụng vốn đầu tư, thẩm định đầu tư, đầu thầu, tư vấn đầu tư....

2.2. Kỹ năng

- KN1: Phát hiện, giải quyết các vấn đề phức tạp, xác định vấn đề ưu tiên và ra quyết định ở lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý trong điều kiện môi trường thay đổi.

- KN2: Giao tiếp xã hội, thuyết trình và truyền tải thông tin một cách hiệu quả.

- KN3: Thực hiện quá trình khởi nghiệp cho bản thân và dẫn dắt người khác.

- KN4: Sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt ý kiến cá nhân, xử lý một số tình huống thông thường liên quan đến công việc chuyên môn

- KN5: Đánh giá kết quả, hiệu quả công việc được giao của cá nhân và các thành viên trong nhóm liên quan đến lĩnh vực kinh tế đầu tư.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- NT1: Làm việc độc lập, chịu được áp lực công việc, hình thành và lãnh đạo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi

- NT2: Thực hiện tốt kỷ luật lao động, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm và trách nhiệm xã hội

- NT3: Hướng dẫn, giám sát các cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, đặc biệt là nhiệm vụ liên quan đến kinh tế đầu tư

- NT4: Tự định hướng, tự học tập, đưa ra kết luận và bảo vệ được các quan điểm cá nhân trong lĩnh vực kinh tế đầu tư

- NT5: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực Kinh tế đầu tư.

3. Thông tin về CTĐT

3.1. Chính sách tuyển sinh

- Nhà trường đã xây dựng đề án và kế hoạch tuyển sinh các CTĐT một cách rõ ràng, đảm bảo tuân thủ các quy định chung của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn thực hiện của ĐHTN.

- Chính sách và quy định về tuyển sinh được cập nhật, đảm bảo tuân thủ các quy định chung của Bộ GD&ĐT và được thể hiện rõ trong Đề án và Kế hoạch tuyển sinh hàng năm.

- Chính sách tuyển sinh được thực hiện theo 3 phương thức: xét tuyển theo kết quả học tập THPT, xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia và xét tuyển thẳng.

- Các thông tin và kết quả tuyển sinh bao gồm: chỉ tiêu tuyển sinh, khối tuyển sinh, hình thức tuyển sinh được công bố công khai trên website của Nhà trường.

- Nhà trường có chính sách cấp học bổng đối với thí sinh thuộc diện tuyển thẳng, Khoa Kinh tế có học bổng Trường khoa dành cho các SV thủ khoa của CTĐT Cử nhân KTĐT.

- Hằng năm Nhà trường đã lập báo cáo kết quả tuyển sinh các ngành đào tạo và báo cáo về việc dự báo nhu cầu của thị trường lao động các ngành đào tạo tại Trường do Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội thực hiện kết hợp với kết quả khảo sát các BLQ về kế hoạch và đề án tuyển sinh.

- Nhà trường đã tổ chức hội nghị xây dựng chính sách tuyển sinh để lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh.

3.2. Thời gian tốt nghiệp: 4 năm

3.3. Số lượng các môn học

Bảng 01: Tổng hợp số tín chỉ và số lượng các học phần theo các khối kiến thức

TT	Nội dung	Số TC	Số các học phần
1	Kiến thức giáo dục đại cương	32	18
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	40
2.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	30	13
2.2	<i>Kiến thức ngành</i>	24	12
2.3	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	27	15
2.4	<i>Thực tập nghề nghiệp/môn học</i>	2	
2.5	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	10	
	Tổng toàn khóa	125	58

(Nguồn: Trích từ Bảng mô tả CTĐT năm 2020)

Bảng 02: Danh sách các học phần được giảng dạy trong CTĐT

STT	Tên học phần	30	Kinh tế lượng
Kiến thức giáo dục đại cương		31	Thống kê kinh tế
1	Triết học Mác-Lênin	Kiến thức ngành	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	32	Kinh tế phát triển
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	33	Kinh tế môi trường
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	34	Kinh tế học vĩ mô 2
5	Lịch sử Đảng CSVN	35	Lập và phân tích dự án đầu tư
6	Pháp luật đại cương	36	Nguyên lý kinh tế đầu tư
7	Tin học đại cương	37	Kinh tế công cộng
8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	38	Kinh tế học vi mô 2
9	Toán kinh tế	39	Kinh tế bảo hiểm
10	Tiếng Anh 1	40	Bảo hiểm xã hội
11	Tiếng Anh 2	41	Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH
12	Tiếng Anh 3	42	Kinh tế và chính sách phát triển vùng
13	Tiếng Anh 4	43	Môi trường và phát triển bền vững
14	Tiếng Anh 5	Kiến thức chuyên ngành	
15	Giáo dục thể chất 1	44	Đầu tư quốc tế
16	Giáo dục thể chất 2	45	Kinh tế đầu tư
17	Giáo dục thể chất 3	46	Thẩm định dự án đầu tư
18	Giáo dục quốc phòng	47	Quản lý dự án đầu tư
Kiến thức cơ sở ngành		48	Thị trường vốn đầu tư
19	Kinh tế học vi mô 1	49	Kế hoạch hóa phát triển KT-XH
20	Quản trị học	50	Chương trình và DA phát triển KT -XH
21	Kinh tế học vĩ mô 1	51	Đầu thầu trong đầu tư
22	Marketing căn bản	52	Luật Đầu tư
23	Tài chính - tiền tệ 1	53	Phân tích lợi ích - chi phí
24	Nguyên lý thống kê	54	Phân tích chính sách phát triển
25	Nguyên lý kế toán	55	Thống kê đầu tư XDCB
26	Phân tích thông tin kinh tế	56	Nghiên cứu và dự báo kinh tế
27	Lịch sử các học thuyết kinh tế	57	Dự báo phát triển KT-XH
28	Địa lý kinh tế Việt Nam	58	Thực tập môn học
29	Phương pháp nghiên cứu khoa học		

(Nguồn: Trích từ Bảng mô tả CTĐT năm 2020)

3.4. Các phương pháp giảng dạy

Các HP trong CTĐT KTĐT đã áp dụng các phương pháp giảng dạy - học tập đa dạng để đạt được CĐR của HP cũng như đáp ứng CĐR và MT của CTĐT. Mỗi HP trong CTĐT có thể kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy - học tập khác nhau. Các phương pháp giảng dạy - học tập hiện đang áp dụng bao gồm phương pháp dạy học trực tiếp, dạy học gián tiếp, dạy học tương tác, học trải nghiệm, thuyết trình và tự học.

* **Phương pháp dạy học trực tiếp:** Đây là phương pháp dạy học phổ biến được áp dụng với nhiều HP trong CTĐT KTĐT. Phương pháp dạy học trực tiếp bao gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture).

* **Phương pháp dạy học gián tiếp:** Phương pháp dạy học này hướng đến NH, lấy NH làm trung tâm, trong đó GVn không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến SV mà thay vào đó, SV được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp giảng dạy gián tiếp bao gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

* **Phương pháp dạy học thông qua trải nghiệm:** Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó NH tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận (học thông qua làm và trải nghiệm). Phương pháp dạy học được Khoa Kinh tế áp dụng theo chiến lược dạy học này là phương pháp thực tập, thực tế (Field Trip). Vào năm thứ 3 và năm thứ 4, SV được tham gia đợt thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan, DN để tìm hiểu môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo, vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế nhằm hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty, cơ quan. Phương pháp này không những giúp SV tích lũy thêm kiến thức, hình thành kỹ năng, mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho SV sau khi tốt nghiệp.

* **Dạy học tương tác:** Đây là phương pháp dạy học áp dụng đối với hầu hết các học phần trong CTĐT KTĐT. Theo phương pháp này, GV sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu SV thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề. SV có thể học từ bạn học hay từ GV để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định. Phương pháp này bao gồm thảo luận và học nhóm.

* **Tự học:** Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của NH được thực hiện bởi các cá nhân NH với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của GV. Đây là một quá trình giúp SV tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà GV gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

3.5. Các hình thức đánh giá người học được áp dụng

Các phương pháp đánh giá trong CTĐT KTĐT được công bố công khai đến NH dưới nhiều hình thức khác nhau như trong ĐCCT học phần, sổ tay SV, ... Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đến NH để NH cải thiện kết quả học tập của mình. Kết quả đánh giá cũng được cung cấp kịp thời cho các BLQ làm một trong những căn cứ quan trọng để điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được MT dạy học. Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT KTĐT bao gồm: đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/ cuối kỳ (Summative Assessment).

* **Đánh giá tiến trình (có tính điểm):** Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và NH về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Đánh giá tiến trình trong CTĐT KTĐT bao gồm đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment) và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation).

- *Đánh giá chuyên cần:* Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của SV cũng như những đóng góp của SV trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của NH đối với môn học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện trong từng HP thuộc CTDH.

- *Đánh giá bài tập:* NH được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cho điểm theo thang điểm từ 1 đến 10.

- *Đánh giá thuyết trình:* Chia nhóm thảo luận, giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình. Hoạt động này không những giúp SV đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp SV phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm.

* **Đánh giá tổng kết/cuối kỳ (có tính điểm):** Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được MT và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của NH tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ. Đánh giá tổng kết/cuối kỳ trong CTĐT KTĐT bao gồm: kiểm tra viết/tự luận (Written Exam), thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), trắc nghiệm trên máy.

(*) **Công cụ, tiêu chí đánh giá:** Khoa Kinh tế đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để đánh giá kết quả học tập của SV theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, MT và đặc trưng của từng HP để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như

Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các HP khác nhau.

3.6. Số lượng sinh viên trong 5 năm gần đây

Bảng 03: Số lượng sinh viên của CTĐT trong 5 năm gần đây

Năm học	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số sinh viên (người)	221	177	154	149	187

(Nguồn: Khoa Kinh tế tổng hợp)

3.7. Số lượng sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Bảng 4: Số lượng và tỷ lệ sinh viên của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Chi tiêu	Năm học	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
	Số lượng NH tốt nghiệp (người) (<i>Tính theo năm</i>)		60	122	68	38
1. Số lượng NH tốt nghiệp (người). (<i>Tính theo khóa học</i>)		130 (K9)	97 (K10)	51 (K11)	32 (K12)	25 (K13)
2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).		91,55	95,10	98,08	86,49	80,65

(Nguồn: Khoa Kinh tế tổng hợp)

3.8. Vị trí việc làm có thể đảm nhận

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kinh tế đầu tư có đủ năng lực làm việc tại các bộ phận Phòng, Ban trong các tổ chức như ngân hàng, doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn nước ngoài (100% vốn nước ngoài, liên doanh liên kết), các công ty bảo hiểm, Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, các quỹ đầu tư và các định chế tài chính, các dự án đầu tư trong nước và nước ngoài; Triển vọng trong tương lai có khả năng đảm nhận các chức vụ quản lý, lãnh đạo tổ chức như giám đốc doanh nghiệp, trưởng phòng, trưởng Ban quản lý dự án, người điều phối dự án ...;

Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đầu tư cũng có đủ năng lực làm việc tại các cơ quan của nhà nước ở các cấp từ trung ương đến địa phương trong các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực liên quan đến đầu tư như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Đầu tư thuộc Bộ Tài Chính, các Sở Kế hoạch và Đầu tư ở các tỉnh, thành trong cả nước...; Triển vọng trong tương lai có thể đảm nhận các chức vụ lãnh đạo, quản lý, các chuyên gia cao cấp

Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đầu tư cũng có đủ năng lực làm việc tại các Phòng, Ban, nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các Viện nghiên cứu về Kinh tế, Kinh doanh và Quản lý, các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trung tâm trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp, nhà quản lý trong các cơ sở giáo dục.

Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đầu tư với kỹ năng làm việc độc lập, ra các quyết định liên quan đến cá nhân hay tổ chức có khả năng tự lập nghiệp và điều hành, quản lý doanh nghiệp, tổ chức do mình lập ra.

3.9. Quy trình rà soát và xây dựng CTĐT

*** Quy trình xây dựng chương trình đào tạo mới bao gồm 8 bước:**

Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu (đào tạo 4 năm khối lượng kiến thức tối thiểu là 120 tín chỉ) và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp;

Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

Bước 4: Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo;

Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định;

Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về chương trình đào tạo;

Bước 7: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của các cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng.

Bước 8: Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

*** Quy trình rà soát, cập nhật chương trình đào tạo**

Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo.

Bước 2: Rà soát mục tiêu, chuẩn đầu ra và khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo.

Bước 3: Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo;

Bước 4: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của các cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định, thông qua và áp dụng.

3.10. Các hoạt động khảo sát được khoa và Nhà trường triển khai thực hiện

- Lấy ý kiến các bên liên quan (Nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục, hội nghề nghiệp, cựu sinh viên) về chuẩn đầu ra; về chương trình đào tạo; về chất lượng đào tạo

(Đây là hoạt động được Khoa tổ chức định kỳ 2 năm/ lần trong các đợt rà soát hoặc xây dựng mở ngành. Thực tế Khoa có các đợt lấy ý kiến năm 2016, 2018, 2020, 2022)

- Lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên

- Lấy ý kiến người học trước khi tốt nghiệp đánh giá khóa học (hệ CQ tập trung dài hạn)

- Lấy ý kiến người học, cán bộ viên chức về hoạt động của các Khoa, Phòng, Trung tâm trong Nhà trường

- Khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp, chất lượng đào tạo đối với sinh viên tốt nghiệp

- Lấy ý kiến của người học, cán bộ viên chức về chất lượng, mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thực hành phục vụ hoạt động đào tạo; môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của CSGD

- Lấy ý kiến của người học, cán bộ viên chức về hệ thống công nghệ thông tin, các nguồn học liệu và chất lượng phục vụ của thư viện.

- Lấy ý kiến cán bộ viên chức về mức độ đáp ứng trong việc lập kế hoạch tài chính, phân bổ và quản lý tài chính.

- Lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

- Lấy ý kiến khảo sát với các đơn vị sử dụng lao động trong việc gắn kết doanh nghiệp với CSGD ở tất cả các khâu trong quá trình đào tạo và tìm kiếm việc làm.

- Lấy ý kiến khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT.

- Lấy ý kiến người học về công tác tổ chức thi kết thúc học phần

- Lấy ý kiến của người học về hoạt động của đội ngũ Cố vấn học tập

- Lấy ý kiến sinh viên về điều kiện CSVC, văn hóa, thể thao khu nội trú (KTX)

- Lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống công nghệ thông tin (đặc biệt các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của thiết bị trong hệ thống), chất lượng phục vụ của phòng thực hành, thí nghiệm

PHỤ LỤC 01: KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Giới thiệu chung

Chất lượng GDDH là một trong những nền tảng quan trọng đối với sự phát triển của các quốc gia trên thế giới. Để nâng cao chất lượng GDDH, mỗi quốc gia có hàng loạt các giải pháp toàn diện như chú trọng đến sự phát triển của CSVC của trường ĐH, phát triển đội ngũ GV, nâng cao chất lượng dạy và học, nâng cao chất lượng NCKH và chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực quản lý GDDH... Bên cạnh đó, một trong những giải pháp được nhiều nước trong khu vực quan tâm nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đó là việc áp dụng các mô hình quản lý và ĐBCL.

Quá trình ĐBCL bắt đầu từ hoạt động quản lý chất lượng bên trong CSGD ĐH. Việc thiết kế và đưa ra các quy trình, cơ chế ĐBCL vào thực hiện, mặc dù có sự hỗ trợ của các cơ quan bên ngoài, vẫn chủ yếu là trách nhiệm của các trường ĐH. Các CSGD ĐH đánh giá kết quả đầu ra, chất lượng sản phẩm theo các chuẩn mực nhất định và hiệu quả của các quy trình, cơ chế quản lý chất lượng. Để thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục, CSGD phải TĐG trước khi có sự tham gia của tổ chức bên ngoài. Việc TĐG CTĐT Cử nhân KTĐT là một khâu quan trọng trong việc ĐBCL, giúp Nhà trường và Khoa Kinh tế tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT, xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT. Từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn, là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT. Từ quá trình TĐG phục vụ ĐBCL, công khai hóa sự chịu trách nhiệm và hướng tới mục tiêu đạt được quyền tự chủ nhiều hơn, Nhà trường chứng minh khả năng chịu trách nhiệm đối với Nhà nước, đối với NH và toàn xã hội.

Cấu trúc báo cáo TĐG CTĐT Cử nhân KTĐT gồm 04 phần:

- Phần I. Khái quát
- Phần II. Tự đánh giá theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí
- Phần III. Kết luận
- Phần IV. Phụ lục

1.1.2. Mục đích tự đánh giá

- Đảm bảo chất lượng CTĐT Cử nhân KTĐT, Khoa Kinh tế, Trường ĐH KT&QTKD, ĐHTN.

- Nâng cao chất lượng CTĐT Cử nhân KTĐT thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ở thời điểm TĐG.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá kiểm định chất lượng và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT Cử nhân KTĐT.

- Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Trường ĐH KT&QTKD trong hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội.

1.1.3. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT Cử nhân KTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành trong chu kỳ kiểm định chất lượng.

1.1.4. Công cụ đánh giá

Hoạt động TĐG CTĐT Cử nhân KTĐT được thực hiện theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí dựa trên:

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường ĐH, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 18/6/2016 của Cục KT&KĐCLGD về việc Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục KT&KĐCLGD về việc Hướng dẫn TĐG CTĐT.

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục trưởng Cục quản lý chất lượng về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.

- Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo

1.1.5. Quy trình và phương pháp tự đánh giá

Để triển khai việc TĐG CTĐT Cử nhân KTĐT, Nhà trường đã thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, nhóm viết báo cáo, nhóm chuyên trách. Hội đồng được thành lập theo Quyết định số 962/QĐ-ĐHKT&QTKD-KT&ĐBCLGD ngày 16/11/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐH KT&QTKD và Hội đồng được kiện toàn theo Quyết định số 719/QĐ-ĐHKT&QTKD-KT&ĐBCLGD ngày 11/08/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH KT&QTKD. Hội đồng TĐG gồm có 19 thành viên. Giúp việc cho Hội đồng TĐG gồm có: Ban thư ký gồm 13 thành viên; nhóm viết báo cáo gồm 7 thành viên và 4 nhóm chuyên trách gồm 26 thành viên. Trưởng các nhóm chuyên trách là các cán bộ chủ chốt trong Khoa, toàn bộ thành viên thuộc nhóm chuyên trách là GV trong Khoa (phụ lục 03).

Sau khi thành lập Hội đồng TĐG, Nhà trường lập kế hoạch TĐG (phụ lục 04) kèm sơ đồ Gant để các nhóm bám sát tiến độ triển khai thực hiện. Trước hết,

các nhóm chuyên trách tổ chức họp nhóm, căn cứ vào các tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, phân tích nội hàm từng tiêu chí. Sau đó, trưởng các nhóm chuyên trách phân công nhiệm vụ cho các thành viên một cách khoa học. Mỗi thành viên trong nhóm đều có các nhiệm vụ cụ thể, trong đó, việc thu thập MC và mã hóa MC là công việc khá vất vả và mất nhiều thời gian và công sức. Bên cạnh đó là công việc viết phiếu đánh giá tiêu chí, viết báo cáo tiêu chí, báo cáo tiêu chuẩn. Các báo cáo này đã được rà soát, điều chỉnh sau mỗi lần MC được cập nhật. Dựa trên các MC thu thập được trong giai đoạn 2016 - 2020, các báo cáo đã mô tả đúng thực trạng CTĐT, tình hình thực tế của Khoa Kinh tế, Nhà trường. Từ đó, người viết báo cáo phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và lập kế hoạch hành động. Đó chính là sở cứ để Nhà trường, Khoa Kinh tế có kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng CTĐT. Cụ thể, ngoài các bước lấy ý kiến, nhận xét phản biện, quy trình TĐG CTĐT Cử nhân KTĐT gồm các bước cơ bản:

Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký, nhóm chuyên trách, nhóm viết báo cáo TĐG

Bước 2: Lập và công bố kế hoạch TĐG

Bước 3: Nhóm chuyên trách phân tích tiêu chí, thu thập MC, mã hóa MC và viết phiếu đánh giá tiêu chí

Bước 4: Nhóm chuyên trách viết các báo cáo tiêu chí; nhóm viết báo cáo viết phần cơ sở dữ liệu, viết các báo cáo tiêu chuẩn

Bước 5: Hoàn thiện, lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG

Để làm tốt công tác TĐG CTĐT này đòi hỏi sự phối hợp, tham gia tích cực của nhiều bên: Khoa Kinh tế và các đơn vị trong Nhà trường đặc biệt là Phòng KT&ĐBCLGD và đội ngũ GV, cựu SV, NH, nhà tuyển dụng trong việc cung cấp số liệu, cung cấp thông tin, ý kiến phản hồi vừa đảm bảo độ tin cậy vừa mang tính khoa học phục vụ cho hoạt động đánh giá của CTĐT Cử nhân KTĐT.

1.1.6. Phương pháp mã hóa minh chứng

Để thuận tiện cho việc nghiên cứu, kiểm tra, lưu trữ MC, các MC trong báo cáo TĐG CTĐT Cử nhân KTĐT được mã hóa theo thứ tự MC, có tách ra MC dùng chung, MC dùng riêng cho từng tiêu chí. Mã MC được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: *Hn.ab.cd.ef*. Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp MC”.

- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$

thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01).
- ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết

01, thứ 15 viết 15...).

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh

Trường ĐH KT&QTKD được thành lập theo Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại các đơn vị đào tạo thuộc lĩnh vực Kinh tế, Quản lý và Quản trị kinh doanh trong ĐHTN. Kể từ khi thành lập, Nhà trường luôn hướng đến đào tạo nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực hội nhập quốc tế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Để thực hiện sứ mạng của mình, trong những năm qua Nhà trường đã không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ GV; đầu tư đồng bộ về CSVC, nhất là trang bị phục vụ cho công tác đào tạo chất lượng cao và NCKH.

* Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục trong Nhà trường

Để đạt được các mục tiêu phát triển đề ra, trong thời gian gần đây Nhà trường đã rất quan tâm, chú trọng tới công tác ĐBCLGD trong Trường. Nhận thức rõ được vai trò của các hoạt động ĐBCL như các hoạt động đánh giá CSVD; đánh giá CTĐT là một trong những vấn đề sống còn trong bối cảnh hiện nay. Năm 2017, Nhà trường đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Hiệp hội các trường ĐH và Cao đẳng Việt Nam cấp với tỷ lệ tiêu chí đạt yêu cầu 85,25% (tương ứng với 52/61 tiêu chí đạt yêu cầu). Và từ đó đến nay, Nhà trường luôn tích cực thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài để chất lượng các hoạt động của Nhà trường ngày càng được nâng cao.

Hiện tại, Nhà trường đang triển khai thực hiện đánh giá 03 CTĐT theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT; 01 CTĐT đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN - QA.

1.2.2. Tổng quan về khoa Kinh tế

Tháng 3 năm 1978, Khoa Kinh tế Nông nghiệp (Trường ĐH Nông nghiệp III Bắc Thái, hiện là Trường ĐH Nông Lâm) - tiền thân của Khoa Kinh tế, Trường ĐH KT&QTKD ngày nay được thành lập theo Quyết định của Bộ Nông nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Ngày 02 tháng 8 năm 2004, Trường ĐH KT&QTKD được thành lập theo Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Khoa Kinh tế được tách khỏi Trường ĐH Nông Lâm,

được điều chuyển hoàn toàn về Trường ĐH KT&QTKD, đổi tên thành “Khoa Kinh tế” của Trường.

Suốt chặng đường hơn 40 năm, thầy trò cùng các cán bộ của Khoa Kinh tế đã khắc phục nhiều khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, NCKH và mở rộng quan hệ quốc tế. Đến nay, Khoa Kinh tế có 51 CBGV, số người có trình độ PGS, TS chiếm 41,17%. Nhiều nghìn cử nhân, hàng trăm thạc sĩ, gần hai chục tiến sĩ thuộc các chuyên ngành đào tạo khác nhau được Khoa đào tạo đã trở thành những nhà khoa học, nhà giáo dục và nhà quản lý xuất sắc, có đóng góp quan trọng cho xã hội. Thành công đó của mỗi GV, SV, học viên, nghiên cứu sinh trưởng thành từ Khoa Kinh tế đã hàng ngày, hàng giờ vun đắp nên truyền thống vẻ vang, khẳng định sự đóng góp lớn lao của tập thể Khoa cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khoa Kinh tế có nhiệm vụ đào tạo cán bộ về kinh tế thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau phục vụ cho nhu cầu phát triển KTXH của các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc của Việt Nam. Khoa là đơn vị có số lượng CBGV lớn và được giao nhiệm vụ quản lý nhiều chuyên ngành đào tạo nhất trong Nhà trường. CTĐT Cử nhân KTĐT được Nhà trường giao nhiệm vụ đào tạo từ năm 2005. Đây là một trong 5 CTĐT của Khoa Kinh tế lần đầu tiên được tổ chức đánh giá theo Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 1669/QLCL- KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục QLCL & Kiểm định Chất lượng giáo dục (gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí). Năm 2015, Khoa đã thực hiện TĐG CTĐT Cử nhân KTĐT theo bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT của ĐHTN (gồm 8 tiêu chuẩn với 36 tiêu chí). Qua đợt TĐG đó, đã phần nào giúp Khoa bước đầu có các hoạt động cải tiến nhằm nâng cao dần chất lượng đào tạo cho chương trình. Tham gia hoạt động đánh giá CTĐT đợt này tiếp tục là cơ hội để Khoa Kinh tế thống kê, phân tích và công khai hóa các yếu tố ĐBCL đào tạo ở bậc ĐH đối với CTĐT Cử nhân KTĐT. Quan trọng hơn nữa, qua hoạt động TĐG, Khoa Kinh tế và Nhà trường có những bằng chứng để xem xét lại quá trình đào tạo, để tìm ra căn cứ và cơ sở để cải tiến, hoàn thiện CTĐT nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của NH, của xã hội trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục nước nhà, hội nhập khu vực và quốc tế. CTĐT Cử nhân KTĐT bao gồm các khối kiến thức đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khối kiến thức cơ sở ngành. Trong đó, khối kiến thức đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp do đội ngũ GV chung trong Nhà trường giảng dạy còn khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành trực tiếp được các GV thuộc bộ môn Kinh tế ngành trong Khoa giảng dạy. Đến nay, CTĐT này đã đào tạo được 16 năm, có 12 khóa SV thuộc CTĐT Cử nhân KTĐT tốt

nghiệp. Tuy vậy, đến nay, CTĐT này chưa được xem xét, đánh giá các yếu tố ĐBCL trong bối cảnh mới với bộ tiêu chí đánh giá mới một cách đầy đủ, toàn diện.

Hoạt động TĐG còn khá mới đối với các thành viên các nhóm chuyên trách. Cán bộ tham gia hoạt động TĐG chưa có nhiều kinh nghiệm và kỹ năng tổ chức thực hiện, tất cả là GV đều không chuyên nhiệm trong hoạt động đánh giá nên trong quá trình thu thập MC, viết báo cáo đã gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, nhờ có sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy, BGH Nhà trường, đặc biệt có sự tư vấn của cán bộ Phòng KT&ĐBCLGD cùng những nhận thức đúng đắn về công tác ĐBCLGD với sự nỗ lực, cố gắng của các GV khoa Kinh tế, báo cáo TĐG CTĐT Cử nhân KTĐT đã được hoàn thành. Báo cáo được viết trên tình hình thực tế của CTĐT và dựa trên các văn bản, MC đã được thu thập nên đảm bảo được độ tin cậy và tính sát thực. Những điểm mạnh, những điểm còn tồn tại của mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn được coi là cơ sở quan trọng để Nhà trường và Khoa Kinh tế xây dựng kế hoạch hành động để từng bước nâng cao chất lượng, thực hiện cải tiến CTĐT Cử nhân KTĐT

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ
TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai

TIÊU CHUẨN 2. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

TIÊU CHUẨN 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

TIÊU CHUẨN 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Tiêu chuẩn 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

TIÊU CHUẨN 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

TIÊU CHUẨN 6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

TIÊU CHUẨN 7. ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ được xác định và có các hoạt động được triển khai đáp ứng các nhu cầu đó

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

TIÊU CHUẨN 8. NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

Bảng 8.2.1. Phương thức tuyển chọn người học và khối xét tuyển ngành KTĐT giai đoạn 2016–2020

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

TIÊU CHUẨN 9. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

TIÊU CHUẨN 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

TIÊU CHUẨN 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

PHỤ LỤC 03: KẾT LUẬN

Báo cáo TĐG CTĐT Cử nhân KTĐT được hoàn thành chính là bằng chứng để công bố với các cơ quan quản lý Nhà nước, với NH và với xã hội về chất lượng đào tạo của Chương trình.

Qua quá trình triển khai hoạt động TĐG CTĐT Cử nhân KTĐT ở khoa Kinh tế bước đầu đã đem lại những kết quả đáng ghi nhận, thay đổi tư duy trong hoạt động đào tạo; xây dựng văn hóa MC và văn hóa chất lượng đối với đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên tham gia thực hiện CTĐT. Hơn nữa, thông qua hoạt động TĐG CTĐT Cử nhân KTĐT, Nhà trường và khoa Kinh tế đã tìm ra được những điểm mạnh của CTĐT để tiếp tục phát huy trong thời gian tới như:

Mục tiêu của CTĐT Cử nhân KTĐT rõ ràng, khả thi, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và MT của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. CĐR đã giúp NH nhìn rõ được triển vọng trong tương lai, kiến tạo được các cơ hội việc làm đa dạng và đặc biệt là tạo cho NH khả năng tự khởi nghiệp. Bản mô tả CTĐT Cử nhân KTĐT cung cấp đầy đủ các thông tin cơ bản liên quan đến CTĐT và được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật. CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Tất cả các học phần trong CTDH KTĐT được bố trí hợp lý. Nhà trường, Khoa đã áp dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá, định kỳ rà soát, điều chỉnh phù hợp để đo lường CĐR, đánh giá, phân loại tốt NH; đã ban hành quy định cụ thể về phản hồi kết quả đánh giá, quy trình khiếu nại kết quả học tập đến NH theo đó NH được phản hồi kết quả học tập kịp thời, qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV chi tiết và triển khai thực hiện tốt đề án vị trí việc làm. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh, nhờ đó, chất lượng đào tạo được cải tiến. Tổng khối lượng giờ NCKH đã thực hiện của GV toàn Khoa hằng năm luôn vượt mức kế hoạch, loại hình hoạt động nghiên cứu của các GV đa dạng. Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện các quy định cụ thể để đánh giá, xác định năng lực của đội ngũ nhân; các quy định về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, qua đó đã giúp tạo ra động lực hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Chính sách tuyển sinh được thường xuyên rà soát, điều chỉnh theo hướng mở rộng và thu hút được các đối tượng đầu vào có chất lượng cao. Ngoài học bổng của Nhà trường, từ năm học 2019-2020 Khoa Kinh tế đã có chính sách học bổng riêng là học bổng Trường khoa và chính sách cam kết cơ hội việc làm của Trường khoa. Tổ chức Đoàn thanh niên - Hội SV Nhà trường đã làm tốt việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, thu hút được đông đảo các đoàn viên SV tham gia. Nhà trường có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, hệ thống trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt yêu cầu làm

việc, giảng dạy và NCKH. Thư viện có các phòng làm việc riêng và hệ thống trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, làm việc, giảng dạy và NCKH của độc giả. Công tác quản lý hệ thống CNTT đã được chuẩn hóa bằng hệ thống văn bản. Sự phản hồi tích cực từ phía các BLQ giúp Khoa Kinh tế và Nhà trường rà soát, điều chỉnh để thiết kế và phát triển CTDH, nâng cao chất lượng CTDH KTĐT. Quá trình dạy và học cũng như kết quả học tập của SV được Nhà trường, Khoa Kinh tế, Bộ môn Kinh tế Ngành rà soát và đánh giá thường xuyên. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTĐT Cử nhân KTĐT được đánh giá có tính hệ thống và luôn được chú trọng cải tiến. Các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường được thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng. Bộ máy quản lý SV thôi học và SV tốt nghiệp từ cấp Khoa chuyên môn đến cấp Trường được tổ chức một cách có hệ thống đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc xác lập và giám sát tỷ lệ SV thôi học và SVTN. Khoa và Nhà trường tạo mọi điều kiện hỗ trợ SV có việc làm, chủ động kết nối với các doanh nghiệp hỗ trợ SV tìm việc làm.

Bên cạnh những hoạt động Khoa và Nhà trường đã thực hiện tốt, hiện với CTĐT Cử nhân KTĐT vẫn còn bộc lộ một số tồn tại cơ bản cần cải tiến, khắc phục. Cụ thể: trong những lần rà soát, điều chỉnh MT của CTĐT Cử nhân KTĐT được tiến hành từ năm học 2021-2022, Khoa tăng số lượng cựu SV, nhà tuyển dụng được mời tham gia khảo sát và mở thêm hình thức khảo sát trực tuyến để thu nhận được nhiều ý kiến phản hồi hơn; thực hiện nhiều cách tiếp cận khác nhau để thu thập thông tin hữu ích trong hoạt động xây dựng CTDH chuyên ngành KTĐT. Từ năm học 2021 - 2022, Khoa Kinh tế tiếp tục định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung thêm những năng lực vượt trội để thấy rõ hơn khả năng thích ứng của các Cử nhân KTĐT đối với yêu cầu của các vị trí việc làm có định vị cao trong xã hội hiện đại trong bối cảnh cách mạng 4.0 và sự chuyển đổi của nền kinh tế sang Kinh tế số; Khoa, Bộ môn tăng số lượng học phần được giảng dạy theo hình thức trực tuyến; tăng thời gian thực tế môn học và thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm cho NH. Năm 2022 Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm của NH. Năm học 2021 - 2022 Nhà trường thực hiện lấy ý kiến NH về cơ chế phản hồi kết quả học tập. Từ năm học 2021 - 2022 các bộ môn tiến hành phân tích kết quả kiểm tra GK để đánh giá độ tin cậy của ngân hàng đề kiểm tra GK, Nhà trường thực hiện bảo trì, nâng cấp hệ thống mạng và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến công tác quản lý điểm của NH, Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH; Phòng Hành chính - Tổ chức bổ sung thêm tiêu chí về NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng vào quy định tuyển dụng và lựa chọn GV; Phòng TTPC bổ sung nội dung phục vụ

cộng đồng vào các tiêu chí đánh giá thi đua - khen thưởng. Khoa và Nhà trường lập kế hoạch xây dựng và áp dụng KPI trong quản trị theo kết quả công việc của GV. Phòng KHCN&HTQT thực hiện đối sánh số lượng, loại hình NCKH của GV CTĐT Cử nhân KTĐT với các CSĐT khác có cùng CTĐT. Phòng Hành chính - Tổ chức thực hiện việc sắp xếp, tinh giản đội ngũ nhân viên theo đề án vị trí việc làm để nâng cao hiệu quả công việc; xây dựng, ban hành quy trình riêng đối với công tác điều chuyển nhân viên. Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các phòng, khoa, trung tâm cung cấp danh sách nhân viên có kết quả nhận xét về thái độ, năng lực phục vụ chưa tốt qua các đợt đánh giá, để có biện pháp tập huấn, bồi dưỡng cho nhân viên nhằm cải thiện thái độ, nâng cao năng lực phục vụ. Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Hành chính - Tổ chức trình Nhà trường và ban hành quy định tăng kinh phí hỗ trợ nhân viên phục vụ để có thể tham gia tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phòng Hành chính - Tổ chức tham mưu với Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch công tác của các nhân viên phục vụ. Trong năm học 2021-2022, Nhà trường ưu tiên xây dựng chính sách học bổng khuyến khích học tập cho đối tượng là SV xuất sắc được tuyển thẳng vào ngành KTĐT để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và đam mê với Ngành vào học. Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội bổ sung nội dung khảo sát về “Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH” vào Phiếu khảo sát dành cho đối tượng là học sinh THPT hằng năm. Nhà trường trồng thêm nhiều hoa trong khuôn viên giảng đường và Ký túc xá. Trung tâm TTTV cần xây dựng kế hoạch tập huấn, giới thiệu những tài liệu và nguồn học liệu mới được cập nhật cho GV và NH một cách thường xuyên hơn, phù hợp với thực tế dạy và học của các CTĐT. Trung tâm TT-TV và Phòng QT-PV cần có kế hoạch ứng dụng công nghệ cao trong theo dõi và đánh giá chất lượng đối với các trang thiết bị phục vụ thực hành, đảm bảo nhanh, chính xác, tiết kiệm thời gian của người sử dụng và người quản lý. Nhà trường ban hành văn bản quy định về việc hạn chế sử dụng đồ nhựa dùng một lần và triển khai thực hiện nhằm góp phần bảo vệ môi trường. Nhà trường tiếp tục tiếp thu, điều chỉnh khối kiến thức giáo dục đại cương cho phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường lao động hiện nay trong lần rà soát, điều chỉnh kế tiếp; tiến hành khảo sát ý kiến BLQ để đánh giá, cải tiến Quy trình trong chu trình cải tiến kế tiếp; BCN Khoa tổ chức dự giờ đột xuất; Nhà trường và Khoa sẽ có chính sách ưu tiên đối với GV nếu sản phẩm khoa học của GV đó chỉ rõ được mức độ ứng dụng cụ thể cho từng HP trong quá trình dạy học; Nhà trường mở cửa Thư viện chuyên ngành ngoài giờ hành chính để phục vụ GV và SV. Phòng KT&ĐBCLGD cần phân bổ thời gian thực hiện các nội dung khảo sát khác nhau một cách hợp lý hơn hoặc có thể tích hợp việc khảo sát nhiều đơn vị trong cùng 1 link để tránh trường hợp người trả lời bỏ sót hoặc lặp lại các link khảo sát. Khoa tiến hành đối sánh tỷ

lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ có việc làm của NH tốt nghiệp với một số CSĐT ngoài trường; xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng CTĐT. Khoa tổ chức các hội thảo, hội nghị liên quan đến phương pháp NCKH cho SV nhằm cung cấp những kiến thức, kỹ năng thực hiện đề tài NCKH giúp SV hiểu được ý nghĩa của NCKH trong Nhà trường và tham gia nhiều hơn. Khoa Kinh tế và Nhà trường xây dựng nội dung lấy ý kiến phản hồi của các BLQ ngoài trường về mức độ hài lòng với SVTN CTĐT Cử nhân KTĐT chi tiết hơn.

Với những phát hiện trên, kết quả TĐG của CTĐT Cử nhân KTĐT cho thấy, trong tổng số 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí được kiểm định chất lượng giáo dục, CTĐT KTĐT có 100% số tiêu chuẩn, tiêu chí đạt yêu cầu (trong đó có 25 tiêu chí đạt mức 4 và 25 tiêu chí đạt mức 5). Tuy nhiên, để tiếp tục cải tiến mọi mặt để nâng cao chất lượng của CTĐT, Khoa Kinh tế và Nhà trường vẫn còn rất nhiều việc phải làm để giải quyết những tồn tại và duy trì, phát huy được những điểm mạnh đó.

Hội đồng TĐG CTĐT Cử nhân KTĐT, Trường ĐH KT&QTKD - ĐHTN TĐG: CTĐT Cử nhân KTĐT đạt chất lượng giáo dục ở mức độ Khá.

PHỤ LỤC 04: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Kinh tế & QTKD

Mã: DTE

Tên chương trình đào tạo: Kinh tế đầu tư

Mã chương trình đào tạo: 7310104

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								4,00	3	100%
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
Tiêu chuẩn 3								4,00	3	100%
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4								4,00	3	100%
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								4,60	5	100%
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								4,71	7	100%
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
Tiêu chí 6.6					5			4,20	5	100%
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5			4,20	5	100%
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1				4				4,40	5	100%
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5			4,83	6	100%
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1				4				4,20	5	100%
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,50	50	100,00%

